|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại thuế** | **Thuế suất** | **Căn cứ pháp lý** |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng (VAT) | 10% | Thông tư 83/2014/TT-BTC |
| 2 | Thuế nhập khẩu thông thường | 3% | Quyết định 45/2017/QĐ-TTg |
| 3 | Thuế nhập khẩu ưu đãi | 2% | Nghị định 125/2017/NĐ-CP |
| 4 | Form E | 0% | Nghị định 153/2017/NĐ-CP |
| 5 | Form D | 0% | Nghị định 156/2017/NĐ-CP |
| 6 | Form AJ | 0% | Nghị định 160/2017/NĐ-CP |
| 7 | Form VJ | 0% | Nghị định 155/2017/NĐ-CP |
| 8 | Form AK | 0% | Nghị định 157/2017/NĐ-CP |
| 9 | Form AANZ | 0% | Nghị định 158/2017/NĐ-CP |
| 10 | Form AI | 0% | Nghị định 159/2017/NĐ-CP |
| 11 | Form VK | 0% | Nghị định 149/2017/NĐ-CP |
| 12 | Form VC | 0% | Nghị định 154/2017/NĐ-CP |
| 13 | Form EAV | 0% | Nghị định 150/2017/NĐ-CP |
| 14 | Form CPTPP | 0% | Nghị định 57/2019/NĐ-CP |
| 15 | Form CPTPP (Australia, Canada, Japan, New Zealand, Singapore, Vietnam) | 0% | Nghị định 57/2019/NĐ-CP |
| 16 | Form AHK | 0% | Nghị định 07/2020/NĐ-CP |
| 17 | Thuế bảo vệ môi trường | 15.000 đồng/tấn | Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 |